

Số: **39** /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **30** tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1553/SNN-TL ngày 19/8/2016; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 268/BC-STP ngày 17/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân, như sau:

“Điều 3. Phân cấp cho UBND cấp huyện quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn, cụ thể như sau:

1. UBND huyện Đức Thọ quản lý, bảo vệ 19,9km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Phối hợp Chi cục Thủy lợi quản lý, bảo vệ: 15,6km đê La Giang (đê cấp II) đoạn từ K0+00 đến K15+600, thuộc địa bàn các xã: Tùng Ảnh, Đức Yên, Bùi Xá, Đức Nhân, Yên Hồ và thị trấn Đức Thọ.

b) Trực tiếp quản lý, bảo vệ: 4,3km đê cấp IV, cấp V và các tuyến kè:

- Đê Trường Sơn (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+800, dài 3,8km, thuộc địa bàn các xã: Trường Sơn, Liên Minh.

- Đê Rú Tý (đê cấp IV) từ K0+00 đến K0+500, dài 0,5km, thuộc địa bàn xã Đức Lạng.

- Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Trường Sơn - Liên Minh, Đức Lạc - Đức Hòa, Đức Lạc, Kênh Tăng - Linh Cảm, Tùng Châu, Đức Châu, Đức Quang và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. UBND thị xã Hồng Lĩnh phối hợp Chi cục Thủy lợi, quản lý, bảo vệ 3,6km đê:

Đê La Giang (đê cấp II) đoạn từ K15+600 đến K19+200, dài 3,6km, thuộc địa bàn phường Trung Lương.

3. UBND huyện Hương Sơn trực tiếp quản lý, bảo vệ 12,2km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Tân Long (đê cấp IV) từ K0+00 đến K12+200, dài 12,2km (gồm 02 tuyến, tuyến 1 dài 12km và tuyến 2 dài 0,2km), thuộc địa bàn các xã: Sơn Châu, Sơn Hà, Sơn Mỹ, Sơn Tân và Sơn Long.

b) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Sơn Long, Sơn Tân, Sơn Mỹ, Sơn Thịnh, Sơn Ninh, Sơn Bằng, Sơn Trung, Phố Châu, Sơn Giang, Sơn Tây, Tây Sơn, Kim An và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

4. UBND huyện Vũ Quang trực tiếp quản lý, bảo vệ 0,3km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Lỗ Lò (đê cấp V) từ K0+00 đến K0+300, dài 0,3km, thuộc địa bàn xã Đức Lĩnh.

b) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Ân Phú, Đức Lĩnh, Đức Hương, Đức Liên và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

5. UBND huyện Nghi Xuân trực tiếp quản lý, bảo vệ 37,33km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Hữu Lam (đê cấp IV) từ K0+00 đến K7+800, dài 7,8km, thuộc địa bàn các xã, thị trấn: Xuân An, Xuân Giang, Tiên Điền, Xuân Hải và thị trấn Nghi Xuân.

b) Đê Hội Thống (đê cấp IV) từ K0+00 đến K17+800, dài 17,8km, thuộc địa bàn các xã: Xuân Hải, Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội.

c) Đê Thường Kiệt (đê cấp V) từ K0+00 đến K1+750, dài 1,75km, thuộc địa bàn xã Xuân Trường.

d) Đê Đá Bạc - Đại Đồng (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+230, dài 2,23km, thuộc địa bàn xã Cương Gián.

e) Đê Song Nam (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+150, dài 2,15km, thuộc địa bàn xã Cương Gián.

f) Đê Bàu Dài (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+200, dài 2,2km, thuộc địa bàn xã Xuân Yên.

g) Đê Đồng Cói (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+400, dài 3,4km, thuộc địa bàn xã Xuân Giang.

h) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Xuân Giang, Xuân Hải và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

6. UBND huyện Can Lộc trực tiếp quản lý, bảo vệ 28km đê, gồm:

a) Đê Tả Nghèn (đê cấp IV) từ K0+00 (cổng Đồng Huệ) đến K15+00 (xã Tùng Lộc), dài 15km, thuộc địa bàn các xã: Vương Lộc, Thiên Lộc, Thuận Thiện, Tùng Lộc và thị trấn Can Lộc.

b) Đê Hữu Nghèn (đê cấp IV) từ K0+00 (cổng Đồng Mỹ) đến K13+00 (cầu Già), dài 13km, thuộc địa bàn thị trấn Can Lộc và xã Tiên Lộc.

7. UBND huyện Thạch Hà trực tiếp quản lý, bảo vệ 38,3km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Hữu Nghèn (đê cấp IV) từ K13+00 (cầu Già) đến K32+00 (cầu Cày), dài 19km, thuộc địa bàn các xã: Thạch Khê, Thạch Sơn, Thạch Long và thị trấn Thạch Hà.

b) Đê Hữu Phú (đê cấp IV) từ K3+500 (giáp xã Thạch Bình) đến K22+800 (núi Nam Giới, xã Thạch Bàn), dài 19,3km, thuộc địa bàn các xã: Tượng Sơn, Thạch Lạc, Thạch Khê, Thạch Đinh và Thạch Bàn.

c) Tuyến kè bảo vệ bờ sông Cày và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

8. UBND huyện Lộc Hà trực tiếp quản lý, bảo vệ 44,9km đê, gồm:

Đê Tả Nghèn (đê cấp IV) từ K15+00 đến K59+900, dài 44,9km, thuộc địa bàn các xã: Ích Hậu, Phù Lưu, Thạch Mỹ, Hộ Độ, Mai Phụ, Thạch Châu, Thạch Kim, Thạch Bằng, Thịnh Lộc.

9. UBND thành phố Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, bảo vệ 33,8km đê, gồm:

a) Đê Trung Linh (đê cấp IV) từ K0+00 đến K4+00, dài 4,0km, thuộc địa bàn phường Thạch Linh và xã Thạch Trung.

b) Đê Đồng Môn (đê cấp IV) từ K0+00 đến K23+400, dài 23,4km, thuộc địa bàn các xã, phường: Thạch Trung, Thạch Hạ, Thạch Môn, Thạch Đồng, Thạch Hưng, Thạch Quý, Văn Yên, Đại Nài.

c) Đê Hữu Phú (đê cấp IV) từ K0+00 (cầu Phú) đến K3+500 (xã Thạch Bình), dài 3,5km, thuộc địa bàn xã Thạch Bình.

d) Đê Cầu Phú - Cầu Núi (đê cấp IV) từ K0+00 đến K2+900, dài 2,9km, thuộc địa bàn phường Đại Nài.

10. UBND huyện Cẩm Xuyên trực tiếp quản lý, bảo vệ 40,54km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Cẩm Trung (đê cấp V) từ K0+00 đến K11+00, dài 11,0km, thuộc địa bàn các xã: Cẩm Trung, Cẩm Lĩnh, Cẩm Lộc.

b) Đê Phúc - Long - Nhượng (đê cấp V) từ K0+00 đến K12+840, dài 12,84km, thuộc địa bàn các xã: Cẩm Phúc, Cẩm Nhượng và thị trấn Thiên Cẩm.

c) Đê Lộc - Hà - Thịnh (đê cấp V) từ K0+00 đến K8+500, dài 8,5km, thuộc địa bàn các xã: Cẩm Lộc, Cẩm Hà và Cẩm Thịnh.

d) Đê Cẩm Lĩnh (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00, dài 3,0km, thuộc địa bàn xã Cẩm Lĩnh.

e) Đê Cẩm Nhượng (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+200, dài 2,2km, thuộc địa bàn xã Cẩm Nhượng.

f) Đê 19/5 (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00, dài 3,0km, thuộc địa bàn xã Cẩm Phúc và thị trấn Thiên Cẩm.

g) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Kè sông Hội, kè sông Rác, kè Thiên Cẩm và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

11. UBND huyện Kỳ Anh trực tiếp quản lý, bảo vệ 28,7km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Khang Ninh (đê cấp V) từ K0+00 đến K6+500 (giáp xã Kỳ Ninh), dài 6,5km, thuộc địa bàn xã Kỳ Khang.

b) Đê Kỳ Thọ (đê cấp V) từ K0+00 đến K10+800, dài 10,8km, thuộc địa bàn xã Kỳ Thọ.

c) Đê Hải - Hà - Thu (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00; K9+00 đến K12+700 (xã Kỳ Hải) và từ K12+700 đến K17+400 (xã Kỳ Thu), dài 11,4km, thuộc địa bàn các xã: Kỳ Hải và Kỳ Thu.

d) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Kè sông Trí (xã Kỳ Châu) và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

12. UBND thị xã Kỳ Anh trực tiếp quản lý, bảo vệ 30,0km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Khang Ninh (đê cấp V) từ K6+500 (giáp xã Kỳ Khang) đến K15+00, dài 8,5km, thuộc địa bàn xã Kỳ Ninh.

b) Đê Hải - Hà - Thu (đê cấp V) từ K3+00 đến K9+00 (xã Kỳ Hà), dài 6,0km, thuộc địa bàn xã Kỳ Hà.

c) Đê Hoàng Đình (đê cấp V) từ K0+00 đến K6+500, dài 6,5km, thuộc địa bàn các xã, phường: Kỳ Hưng và Kỳ Trinh.

d) Đê Hòa Lộc (đê cấp V) từ K0+00 đến K5+800, dài 5,8km, thuộc địa bàn phường Kỳ Trinh.

e) Đê Minh Đức (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+200, dài 3,2km, thuộc địa bàn xã Kỳ Nam.

f) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Kè sông Trí (xã Kỳ Hưng, phường Sông Trí) và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

13. UBND huyện Hương Khê trực tiếp quản lý, bảo vệ các tuyến kè, gồm:

Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Hương Trạch, Phúc Trạch, Phương Mỹ, Hòa Hải, Hương Vĩnh, Gia Phố, Lộc Yên và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

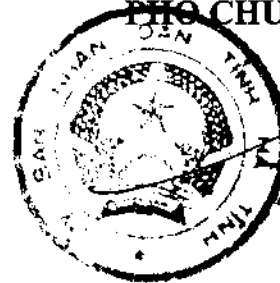
- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Phó VP/UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁;
- Gửi:
- + Văn bản giấy: Các TP không nhận VBĐT.
- + Văn bản điện tử: Các thành phần còn lại.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP HỆ THỐNG ĐÊ - TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Quyết định số 39 /2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh)

TT	TUYẾN ĐÊ	TUYẾN SÔNG	LÝ TRÌNH	CẤP ĐÊ	CHIỀU DÀI (km)
I	Huyện Đức Thọ				19,90
1	La Giang	Hữu sông La	K0+00 - K15+600 (Xã Tùng Ảnh, TT. Đức Thọ, Đức Yên, Đức Nhân, Bùi Xá, Yên Hồ)	II	15,60
2	Trường Sơn	Tả sông La	K0+00 - K3+800 (xã Trường Sơn, Liên Minh)	V	3,80
3	Rú Tý	Hữu sông Ngàn Sâu	K0+00 - K0+500 (xã Đức Lạng)	IV	0,50
II	Thị xã Hồng Lĩnh				3,60
1	La Giang	Hữu sông La	K15+600- K19+200 (Phường Trung Lương)	II	3,60
III	Huyện Hương Sơn				12,20
1	Tân Long 1	Hữu sông Ngàn Phố, Tạ sông Ngàn Sâu	K0+00 - K12+00 (các xã: Sơn Châu, Sơn Hà, Sơn Mỹ, Sơn Tân, Sơn Long)	IV	12,00
2	Tân Long 2	Tả sông Ngàn Sâu	K0+00 - K0+200 (xã Sơn Long)	IV	0,20
IV	Huyện Vũ Quang				0,30
1	Lỗ Lò	Tả sông Ngàn Sâu	K0+00 - K0+300 (xã Đức Lĩnh)	V	0,30
V	Huyện Nghi Xuân				37,33
1	Hữu Lam	Hữu sông Lam	K0+00 - K7+800 (TT.Xuân An, Xuân Giang, TT Nghi Xuân, Tiên Điền, Xuân Hải)	IV	7,80
2	Hội Thống	Hữu sông Lam và đê biển	K0+00 - K17+800 (xã Xuân Hải, Xuân Phố, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội)	IV	17,80
3	Thường Kiệt	Đê nội đồng	K0+00 - K1+750 (xã Xuân Trường)	V	1,75
4	Đá Bạc - Đại Đồng	Rào Mỹ Dương	K0+00 - K2+230 (xã Cương Gián)	V	2,23
5	Song Nam	Đê biển	K0+00 - K2+150 (xã Cương Gián)	V	2,15
6	Bàu Dài	Lạch Bàu dài	K0+00 - K2+200 (xã Xuân Yên)	V	2,20
7	Đồng Cối	Đê bồi sông Lam	K0+00 - K3+400 (xã Xuân Giang)	V	3,40
VI	Huyện Can Lộc				28,00
1	Tả Nghèn	Tả sông Nghèn	K0+00 - K15+00 (Vượng Lộc, TT.Can Lộc, Thiên Lộc, Thuận Thiện và xã Tùng Lộc)	IV	15,00
2	Hữu Nghèn	Hữu sông Nghèn	K0+00- K13+00 (TT.Can Lộc, xã Tiến Lộc)	IV	13,00

TT	TUYẾN ĐÈ	TUYẾN SÔNG	LÝ TRÌNH	CẤP ĐÈ	CHIỀU DÀI (km)
VII	Huyện Thạch Hà				38,30
1	Hữu Nghèn	Hữu sông Nghèn	K13 - K32 (Thạch Kênh, Thạch Sơn, Thạch Long, TT. Thạch Hà)	IV	19,00
2	Hữu Phú	Hữu sông Phú	K3+500 - K22+800 (xã Tượng Sơn, T.Lạc, T.Khê, T.Đình, Thạch Bàn)	IV	19,30
VIII	Huyện Lộc Hà				44,9
1	Tả Nghèn	Tả sông Nghèn và đê biển tả Cửa sọt	K15+00 - K59+900 (xã ích Hậu, Phù Lưu, T.Mỹ, Hộ Độ, Mai Phụ, Thạch Châu, Thạch Bằng, Thạch Kim, Thịnh Lộc)	IV	44,9
IX	Thành phố Hà Tĩnh				33,80
1	Trung Linh	Hữu sông Cây	K0+00 - K4+00 (phường Thạch Linh, xã Thạch Trung)	IV	4,00
2	Đồng Môn	Hữu sông Cây - Tả sông Phú	K0+00 - K23+400 (xã T.Trung, Thạch Hạ, Thạch Môn, Thạch Đồng, Thạch Hưng, Thạch Quý, P. Văn Yên và Đại Nài)	IV	23,40
3	Hữu Phú	Hữu sông Phú	K0+00 - K3+500 (xã Thạch Bình)	IV	3,50
4	Cầu Phú - cầu Núi	Tả sông Phú	K0+00 - K2+900 (phường Đại Nài)	IV	2,90
X	Huyện Cẩm Xuyên				40,54
1	Cẩm Trung	Tả sông Rác - Hữu sông Quên	K0+00 - K11+00 (Cẩm Trung, Cẩm Lĩnh, Cẩm Lộc)	V	11,00
2	Phúc-Long-Nhượng	Tả sông Gia Hội	K0+00 - K12+840 (xã Cẩm Phúc và TT Thiên Cẩm, Cẩm Nhung)	V	12,84
3	Lộc Hà Thịnh	Tả sông Quên - Hữu sông Gia Hội	K0+00 - K8+500 (xã Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Thịnh)	V	8,50
4	Cẩm Lĩnh	Hữu sông Rác	K0+00 - K3+00 (Xã Cẩm Lĩnh)	V	3,00
5	Đê Cẩm Nhung	Đê biển tả Cửa Nhung	K0+00 - K2+200 (Xã Cẩm Nhung)	V	2,20
6	Đê 19/5	Đê nội đồng	K0+00 - K3+00 (Xã Cẩm Phúc, TT Thiên Cẩm)	V	3,00
XI	Huyện Kỳ Anh				28,70
1	Đê Khang Ninh	Tả sông Kênh	K0+00 - K6+500 (xã Kỳ Khang)	V	6,50
2	Kỳ Thọ	Hữu sông Kênh - Tả sông Cửa	K0+00 - K10+800 (xã Kỳ Thọ)	V	10,80
3	Hải-Hà-Thư	Tả sông Trí -Hữu sông Cửa	Từ K0+00 - K3+00 và K9+00 - K12+700 (xã Kỳ Hải) và từ K12+700 - K17+400 (xã Kỳ Thư)	V	11,40

TT	TUYẾN ĐÊ	TUYẾN SÔNG	LÝ TRÌNH	CẤP ĐÊ	CHIỀU DÀI (km)
XII	Thị xã Kỳ Anh				30,00
1	Đê Khang Ninh	Tả sông Vịnh	K6+500 - K15+00 (xã Kỳ Ninh)	V	8,50
2	Hải-Hà-Thư	Tả sông Trí - Hữu sông Vịnh	K3+00 - K9+00 (xã Kỳ Hà)	V	6,00
3	Hoàng Đình	Tả sông Quyền - Hữu sông Trí	K0+00 - K6+500 (xã Kỳ Hưng, Kỳ Trinh)	V	6,50
4	Hoà Lộc	Hữu sông Quyền	K0+00 - K5+800 (xã Kỳ Trinh)	V	5,80
5	Minh Đức	Tả sông Khe Bò	K0+00 - K3+200 (xã Kỳ Nam)	V	3,20
	TỔNG CỘNG				317,6

10/10 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP HỆ THỐNG KÈ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN - TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Quyết định số 39 /2016/QĐ-UBND ngày 30 /8/2016 của UBND tỉnh)

TT	TUYẾN CÔNG TRÌNH	TUYẾN SÔNG	ĐỊA ĐIỂM	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (m)
I	Huyện Đức Thọ				13.595
1	Kè Trường Sơn - Liên Minh	Tả Sông La	Xã Trường Sơn, Liên Minh	K0+650 - K3+376	2.726
2	Kè Đức Lạc - Đức Hòa	Hữu Ngân Sâu	Xã Đức Lạc, Đức Hòa	K0+00 - K1+909	1.909
3	Kè Đức Lạc	Hữu Ngân Sâu	Xã Đức Lạc	K0+00 - K1+206	1.206
4	Kè Kênh Tăng - Linh Cảm	Hữu Ngân Sâu	Xã Tùng Ảnh	K0+00 - K1+500	1.500
5	Kè Tùng Châu	Hữu Sông Lam	Xã Đức Châu, Đức Tùng	K0+00 - K1+218	1.218
6	Kè Đức Châu	Hữu sông Đào	Xã Đức Châu	K0+00 - K1+00	1.000
7	Kè Đức Quang	Hữu Sông Lam	Xã Đức Quang	K0+00 - K4+036	4.036
II	Huyện Hương Sơn				17.972
1	Kè Sơn Long (2 đoạn)	Tả Ngân Sâu	Xã Sơn Long	K0+00 - K0+168 và K0+00 - K0+760	928
2	Kè Sơn Tân	Hữu Ngân Phó	Xã Sơn Tân	K0+00 - K2+111	2.111
3	Kè Sơn Mỹ	Hữu Ngân Phó	Xã Sơn Mỹ	K0+00 - K0+410	410
4	Kè Sơn Thịnh (2 đoạn)	Tả Ngân Phó	Xã Sơn Thịnh	K0+00 - K0+509 và K0+00 - K1+712	2.221
5	Kè Sơn Ninh (2 đoạn)	Tả Ngân Phó	Xã Sơn Ninh	K0+00 - K0+934 và K0+00 - K1+494	2.428
6	Kè Sơn Bằng (2 đoạn)	Hữu Ngân Phó	Xã Sơn Bằng	K0+00 - K0+698 và K0+00 - K0+515	1.213
7	Kè Sơn Trung (2 đoạn)	Tả, Hữu Ngân Phó	Xã Sơn Trung	K0+00 - K1+453 và K0+00 - K0+987	2.440
8	Kè Phó Châu	Hữu Ngân Phó	TT Phó Châu	K0+00 - K1+036	1.036
9	Kè Sơn Giang (2 đoạn)	Tả Ngân Phó	Xã Sơn Giang	K0+00 - K1+297 và K0+00 - K1+017	2.314
10	Kè Sơn Tây	Tả Ngân Phó	Xã Sơn Tây	K0+00 - K0+922	922



TT	TUYẾN CÔNG TRÌNH	TUYẾN SÔNG	ĐỊA ĐIỂM	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (m)
11	Kè Tây Sơn	Tả, Hữu Ngàn Phố	TT Tây Sơn	K0+00 - K0+709 và K0+00 - K0+740	1.449
12	Kè Kim An	Tả Ngàn Phố	Xã Sơn Kim I	K0+00 - K0 +500	500
III	Huyện Vũ Quang				6.518
1	Kè Ân Phú (3 đoạn)	Tả Ngàn Sâu	Xã Ân Phú	K0+00 - K0+256; K0+00 - K0+883;	1.642
2	Kè Đức Lĩnh	Tả Ngàn Sâu	Xã Đức Lĩnh	K0+00 - K0+503	1.719
3	Kè Đức Hương	Tả Ngàn Sâu	Xã Đức Hương	K0+00 - K1+719	442
4	Kè Đức Liên	Tả Ngàn Sâu	Xã Đức Liên	K0+00 - K0+442	906
5	Kè Thị trấn Vũ Quang (2 đoạn)	Tả, Hữu Ngàn Trươi	Thị trấn Vũ Quang	K0+00 - K0+906	1.809
IV	Huyện Nghi Xuân				1.185
1	Kè Xuân Giang	Hữu sông Lam	Xã Xuân Giang	K0+00 - K0+860	860
2	Kè Xuân Hải	Hữu sông Lam	Xã Xuân Hải	K0+00 - K0+325	325
V	Huyện Thạch Hà				2.041
1	Kè sông Cày	Tả sông Cày	Thị trấn Thạch Hà	K0+00 - K2+041	2.041
VI	Huyện Cẩm Xuyên				12.043
1	Kè Sông Hội (2 đoạn)	Tả, Hữu Sông Hội	Thị trấn Cẩm Xuyên	K0+00 - K1+686 và K0+00 - K1+378	3.064
2	Kè Sông Rác (2 đoạn)	Tả, Hữu Sông Rác	Xã Cẩm Lạc, Cẩm Trung	K0+00 - K4+489 và K0+00 - K3+556	8.045
3	Kè Thiên Cẩm	Kè biển	Thị trấn Thiên Cẩm	K0+00 - K0+934	934
VII	Huyện Kỳ Anh				1.249
1	Kè Sông Trí	Tả sông Trí	Xã Kỳ Châu	K0+00 - K1+249	1.249
VIII	Thị xã Kỳ Anh				5.000
1	Kè Sông Trí (2 đoạn)	Tả, Hữu Sông Trí	Phường Sông Trí, Kỳ Hưng	K0+00 - K2+00 và K0+00 - K3+00	5.000

TT	TUYẾN CÔNG TRÌNH	TUYẾN SÔNG	ĐỊA ĐIỂM	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (m)
IX	Huyện Hương Khê				7.592
1	Kè Hương Trạch (2 đoạn)	Tả, Hữu sông Ngân Sâu	Xã Hương Trạch	K0+00 - K2+100 và K0 đến K1+830	2.930
2	Kè Phúc Trạch	Tả Ngân Sâu	Xã Phúc Trạch	K0+00 - K1+100	1.100
3	Kè Phương Mỹ	Tả Ngân Sâu	Xã Phương Mỹ	K0+00 - K0+645	645
4	Kè Hòa Hải	Tả Ngân Sâu	Xã Hòa Hải	K0+00 - K0+289	289
5	Kè Hương Vĩnh	Hữu Sông Tiềm	Xã Hương Vĩnh	K0+00 - K1+156	1156
6	Kè Gia Phó	Tả Ngân Sâu	Xã Gia Phó	K0+00 - K0+440	440
7	Kè Lộc Yên	Tả Ngân Sâu	Xã Lộc Yên	K0+00 - K1+032	1.032
	TỔNG CỘNG				67.195

COM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

VI 13

